

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D16XDD

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 2 HỌC KỲ 1

MÃ HỌC PHẦN : PHY - 102

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	169211456	LƯU VĂN ANH	D16XDD1	7					5				5	5.4	Nằm pháp Bấu		
2	169211457	VÕ NGỌC BA	D16XDD1	10					3				3	0.0	Khăng		
3	169211458	ĐẶNG CHÍ BẢO	D16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng		
4	169211459	PHẠM VĂN BẢO	D16XDD1	7					6				4	5.1	Nằm pháp Mất		
5	169211460	VÕ NHƯ THÁI BÌNH	D16XDD1	10					6				2	0.0	Khăng		
6	169211461	PHẠM ĐỨC BÌNH	D16XDD1	7					5				3	0.0	Khăng		
7	169211462	NGUYỄN VĂN CAO	D16XDD1	10					7				6	7.1	Báý pháp Mất		
8	169211463	TRẦN VĂN CHÁNH	D16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
9	169211464	PHẠM NGỌC CHÂU	D16XDD1	7					6				5	5.7	Nằm pháp Báý		
10	169211466	PHAN NGUYỄN THANI CHUÔNG	D16XDD1	10					8				8	8.4	Tằm pháp Bấu		
11	169211467	NGUYỄN CHUÔNG	D16XDD1	7					8				8	7.8	Báý pháp Tằm		
12	169211468	DƯƠNG TÂN CƯỜNG	D16XDD1	7					6				6	6.2	Sầu pháp Hai		
13	169211470	ĐẶNG MINH CƯỜNG	D16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu		
14	169211471	BÙI THANH DANH	D16XDD1	10					7				6	7.1	Báý pháp Mất		
15	169211472	NGUYỄN VĂN ĐẠT	D16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
16	169211473	NGUYỄN ĐỨC SĨ DIỆN	D16XDD1	10					6				7	7.4	Báý pháp Bấu		
17	169211474	NGÔ ĐÌNH DỊU	D16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
18	169211475	VŨ VĂN DUẤN	D16XDD1	7					7				4	5.4	Nằm pháp Bấu		
19	169211476	DƯƠNG THỊ KIM DUNG	D16XDD1	10					6				6	6.8	Sầu pháp Tằm		
20	169211479	TRỊNH ANH DŨNG	D16XDD1	10					6				8	7.9	Báý pháp Chên		
21	169211481	LÊ XUÂN DUY	D16XDD1	10					7				8	8.2	Tằm pháp Hai		
22	169211483	HOÀNG THỊ THU HÀ	D16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu		
23	169211484	HỨA HÙNG HÀ	D16XDD1	10					6				6	6.8	Sầu pháp Tằm		
24	169211485	HUỲNH LÊ VĂN HẢI	D16XDD1	10					8				8	8.4	Tằm pháp Bấu		
25	169211486	NGUYỄN VĂN HẠNH	D16XDD1	10					8				7	7.9	Báý pháp Chên		
26	169211488	TRẦN VĂN HIỆP	D16XDD1	10					7.5				7	7.7	Báý pháp Báý		
27	169211489	NGUYỄN THANH HIẾU	D16XDD1	10					8				8	8.4	Tằm pháp Bấu		
28	169211490	NGUYỄN VĂN HIẾU	D16XDD1	10					7				8	8.2	Tằm pháp Hai		
29	169211491	TRỊNH VĂN HÒA	D16XDD1	7					6				4	5.1	Nằm pháp Mất		
30	169211492	NGUYỄN THỊ HÒA	D16XDD1	10					6				7	7.4	Báý pháp Bấu		
31	169211493	LÊ MINH HOÀNG	D16XDD1	10					0				V	0.0	Khăng		
32	169211494	PHAN THANH HOÀNG	D16XDD1	7					0				V	0.0	Khăng		
33	169211495	DƯƠNG QUỐC HOÀNG	D16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng		
34	169211497	TRẦN THANH HỒNG	D16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
35	169211498	ĐOÀN MẠNH HÙNG	D16XDD1	10					6				4	5.7	Nằm pháp Báý		
36	169211499	PHAN ĐỨC HỮU	D16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu		
37	169211500	NGUYỄN CÔNG HỮU	D16XDD1	10					6				4	5.7	Nằm pháp Báý		
38	169211501	ĐÀO HY HUY	D16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
39	169211504	TÔ KHUÔNG	D16XDD1	10					7				8	8.2	Tằm pháp Hai		
40	169211505	NGUYỄN VĂN KIM	D16XDD1	10					5				2	0.0	Khăng		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	169211508	PHẠM THẾ LINH	D16XDD1	10				3				1	0.0	Khăng			
42	169211509	LƯU ĐỨC LINH	D16XDD1	10				0				V	0.0	Khăng			
43	169211510	NGUYỄN ĐÌNH LONG	D16XDD1	10				5				5	6.0	Sầu			
44	169211511	LÊ BÁ LONG	D16XDD1	10				6.5				6	6.9	Sầu pháp Chên			
45	169211512	TRẦN VĂN LONG	D16XDD1	10				6.5				6.5	7.2	Báý pháp Hai			
46	169211513	NGUYỄN PHÚ LONG	D16XDD1	7				6				5	5.7	Nằm pháp Báý			
47	169211514	PHAN CÔNG LUÂN	D16XDD1	10				7				3	0.0	Khăng			
48	169211515	HỒ ANH LƯƠNG	D16XDD1	10				5				2	0.0	Khăng			
49	169211518	NGUYỄN ĐỨC LYNH	D16XDD1	10				7				4	6.0	Sầu			
50	169211519	PHẠM MÃN	D16XDD1	7				6				6.5	6.5	Sầu pháp Nằm			
51	169211521	LÊ TỰ QUỐC MINH	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tằm pháp Bấu			
52	169211523	NGUYỄN VĂN NAM	D16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháp Chên			
53	169211525	PHẠM TRƯỜNG NGÂN	D16XDD1	10				6				7	7.4	Báý pháp Bấu			
54	169211572	NGUYỄN NHƯ TRUNG	D16XDD1	10				5				6	6.6	Sầu pháp Sầu			
55	169221596	PHAN LÊ NGHĨA HIỆP	D16XDD1	7				8				7	7.3	Báý pháp Ba			
56	152210132	ĐỖ HOÀNG LONG	D16XDD1	10				7				6	7.1	Báý pháp Mất			
57	169211465	PHAN TRUNG CHUNG	D16XDD2	7				7				4	5.4	Nằm pháp Bấu			
58	169211478	HOÀNG TIẾN DŨNG	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tằm pháp Bấu			
59	169211480	NGUYỄN HỒ ANH DUY	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháp Mất			
60	169211526	LÊ HỮU NGHĨA	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháp Chên			
61	169211527	TRẦN NGỌC NHẬT	D16XDD2	7				7				7	7.0	Báý			
62	169211529	TRẦN VĂN PHÁP	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháp Hai			
63	169211530	BẠCH VĂN PHIẾU	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp Báý			
64	169211531	THÁI DUY PHÓ	D16XDD2	10				7				9	8.7	Tằm pháp Báý			
65	169211532	NGUYỄN NGỌC PHÓ	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháp Hai			
66	169211533	MAI LY PHÔN	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháp Hai			
67	169211534	PHẠM NGỌC PHÚC	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tằm pháp Bấu			
68	169211537	ĐẶNG PHƯƠNG	D16XDD2	7				8				9	8.4	Tằm pháp Bấu			
69	169211538	LÊ DUY PHƯƠNG	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháp Mất			
70	169211539	HOÀNG PHƯƠNG	D16XDD2	3				0				0	0.0	Khăng			
71	169211541	NGUYỄN QUANG QUÂN	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháp Chên			
72	169211543	ĐÌNH TRẦN QUANG	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tằm pháp Bấu			
73	169211544	ĐỖ MINH QUANG	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháp Hai			
74	169211545	TRẦN QUANG	D16XDD2	10				8				6	7.3	Báý pháp Ba			
75	169211546	VÕ TIẾN QUỐC	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháp Hai			
76	169211547	DOÃN ĐỨC SINH	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháp Sầu			
77	169211548	LÊ VIỆT SƠN	D16XDD2	7				7				9	8.1	Tằm pháp Mất			
78	169211549	TRẦN NGỌC SƠN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháp Sầu			
79	169211550	LÊ NGỌC SƠN	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháp Mất			
80	169211551	HOÀNG THANH SỰ	D16XDD2	7				9				9	8.6	Tằm pháp Sầu			
81	169211552	HOÀNG TÂM	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tằm pháp Bấu			
82	169211553	LƯƠNG XUÂN TÂM	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháp Sầu			
83	169211554	LÊ VĨNH THẮNG	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp Báý			

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	169211555	TÔ HỒNG	THANH	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
85	169211556	TRẦN PHƯƠNG	THANH	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
86	169211557	PHAN TÂN	THANH	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
87	169211558	NGUYỄN TRỌNG	THANH	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
88	169211560	HUỖNH NGỌC	THỊNH	D16XDD2	7				6				7	6.8	<i>Sâu</i> pháp <i>Tầm</i>		
89	169211561	HỒ VĂN	THÔNG	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
90	169211564	LÊ TRUNG	TIẾN	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
91	169211565	NGUYỄN NGỌC	TIN	D16XDD2	10				8				8	8.4	<i>Tầm</i> pháp <i>Bấý</i>		
92	169211566	LÊ ĐỨC	TÌNH	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
93	169211567	PHAN ĐÌNH	TOÀN	D16XDD2	7				8				8	7.8	<i>Báý</i> pháp <i>Tầm</i>		
94	169211568	PHAN VĂN	TOÀN	D16XDD2	10				8				5	6.8	<i>Sâu</i> pháp <i>Tầm</i>		
95	169211569	NGUYỄN MINH	TRÍ	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
96	169211571	HỒ CÔNG	TRÌNH	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
97	169211575	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
98	169211576	NGUYỄN NGỌC	TRUỖNG	D16XDD2	10				8				8	8.4	<i>Tầm</i> pháp <i>Bấý</i>		
99	169211578	NGUYỄN ANH	TÚ	D16XDD2	10				7				6	7.1	<i>Báý</i> pháp <i>Mấý</i>		
100	169211580	BÙI THANH	TUẤN	D16XDD2	7				6				5	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
101	169211581	LƯU GIAI	TUẤN	D16XDD2	10				6				5	6.3	<i>Sâu</i> pháp <i>Ba</i>		
102	169211582	PHAN THỊ THẢO	UYÊN	D16XDD2	7				8				8	7.8	<i>Báý</i> pháp <i>Tầm</i>		
103	169211583	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	D16XDD2	10				6				5	6.3	<i>Sâu</i> pháp <i>Ba</i>		
104	169211584	TRẦN QUỐC	VIỆT	D16XDD2	7				0				V	0.0	<i>Khăng</i>		
105	169211585	VÕ HOÀNG	VŨ	D16XDD2	10				7				8	8.2	<i>Tầm</i> pháp <i>Hai</i>		
106	169211586	NGUYỄN ANH	VŨ	D16XDD2	10				6				4	5.7	Nằm pháp <i>Báý</i>		
107	169211587	LÊ MINH	VƯƠNG	D16XDD2	7				7				8	7.6	<i>Báý</i> pháp <i>Sâu</i>		
108	169221623	NGUYỄN TRUNG	TÍN	D16XDD2	10				7				7	7.6	<i>Báý</i> pháp <i>Sâu</i>		
109	169221630	ĐOÀN VĂN	VUI	D16XDD2	7				6				4	5.1	Nằm pháp <i>Mấý</i>		
1	0240	THÁI XUÂN	TRUNG	T15XDD1	3.5				7				5	5.2	Nằm pháp <i>Hai</i>		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	96	87%	
2	Số sinh viên nợ	14	13%	
TỔNG CỘNG :		110	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 11 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú